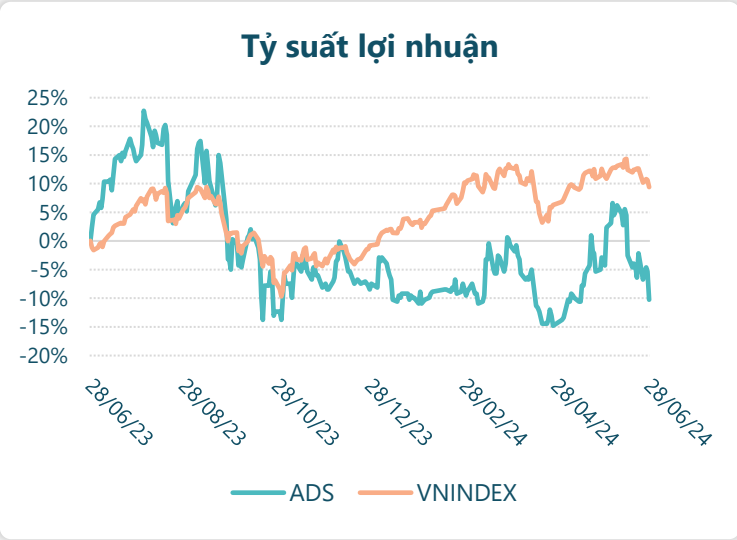


Ngày	12,800 VNĐ		
28/06/2024			
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-12.9%	-9.5%	-3.4%

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	12,150 - 17,500
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	978
Số lượng CPLH (CP)	76,394,727
KLGD BQ 20 phiên (CP)	992,810
Sở hữu nước ngoài	0.3%
Beta	1.47
EPS	509
P/E	25.1



Doanh thu thuần
Q2/24

391

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 1.00 | 0.4%

YoY: ▼103 | -20.8%

Nợ/VCSH
Q2/24

150%

YoY: +/-▼ 13.0%

LN gộp
Q2/24

25.1

tỷ VNĐ

QoQ: ▼7.00 | -21.7%

YoY: ▼32.2 | -56.1%

ROE (TTM)
Q2/24

4.4%

YoY: +/-▼ 2.3%

LN trước thuế
Q2/24

8.42

tỷ VNĐ

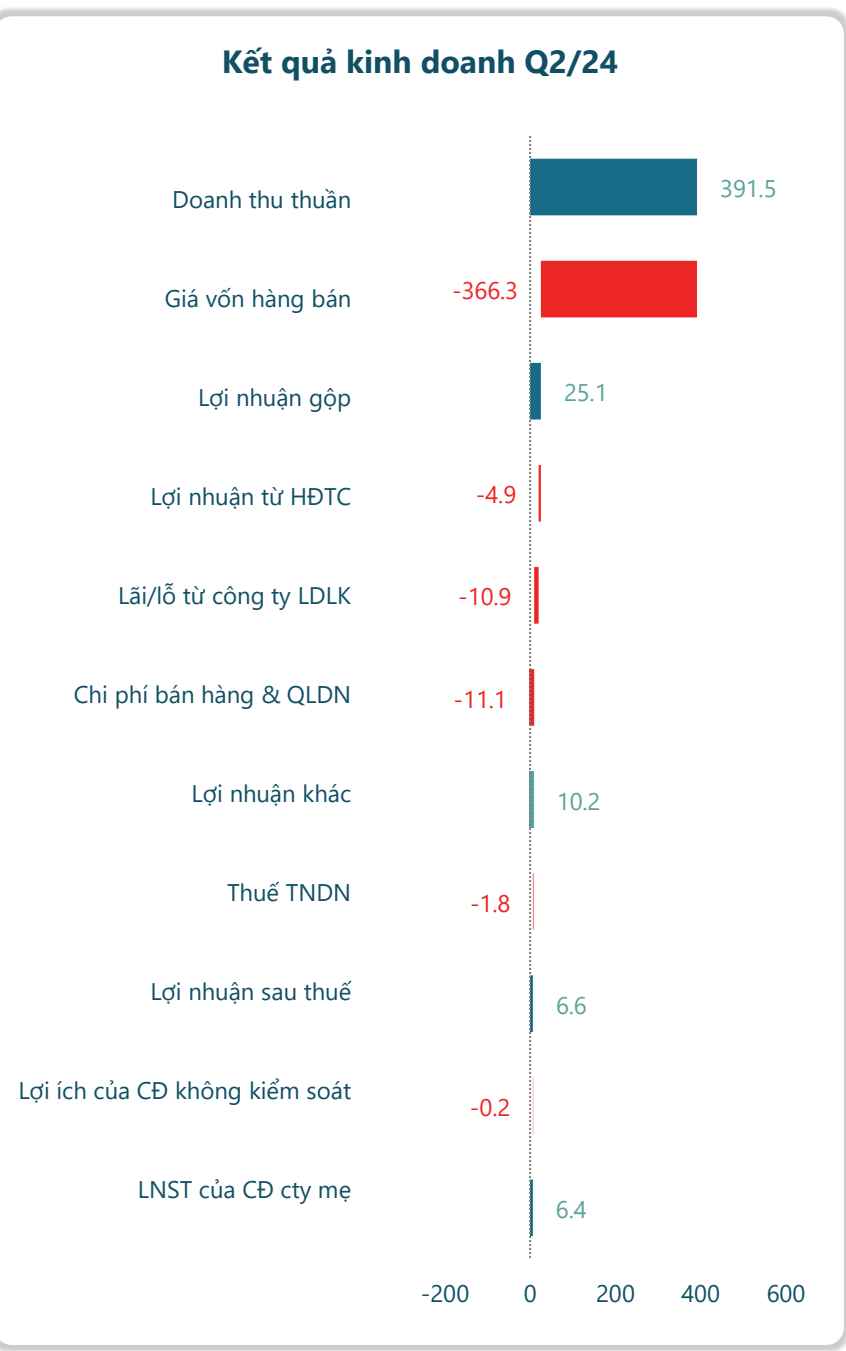
QoQ: ▼1.06 | -11.2%

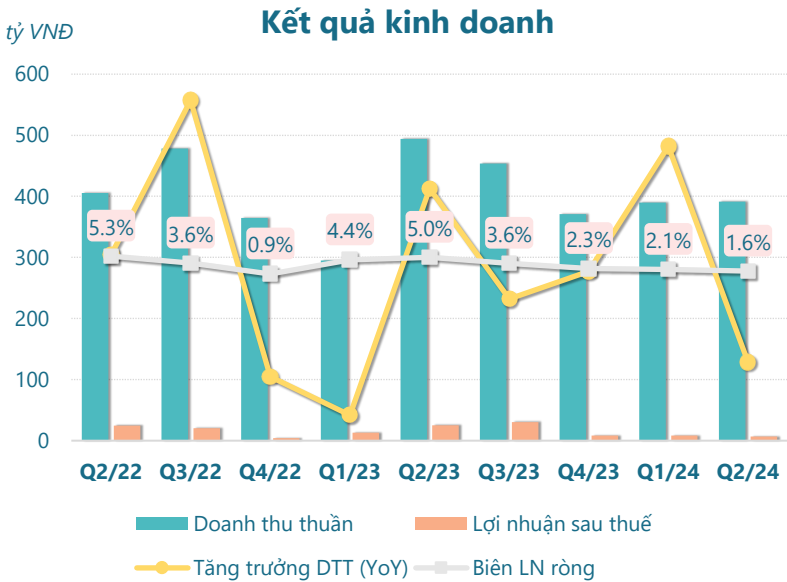
YoY: ▼22.6 | -72.9%

ROA (TTM)
Q2/24

1.6%

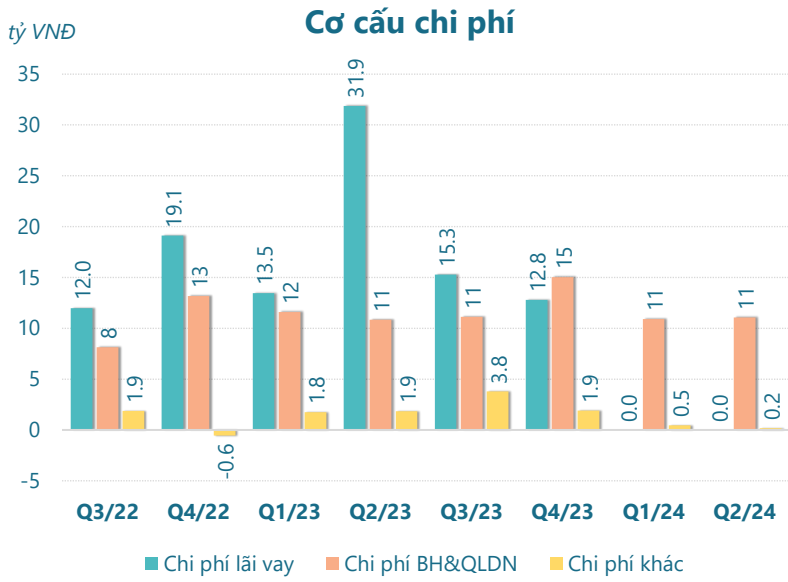
YoY: +/-▼ 0.8%





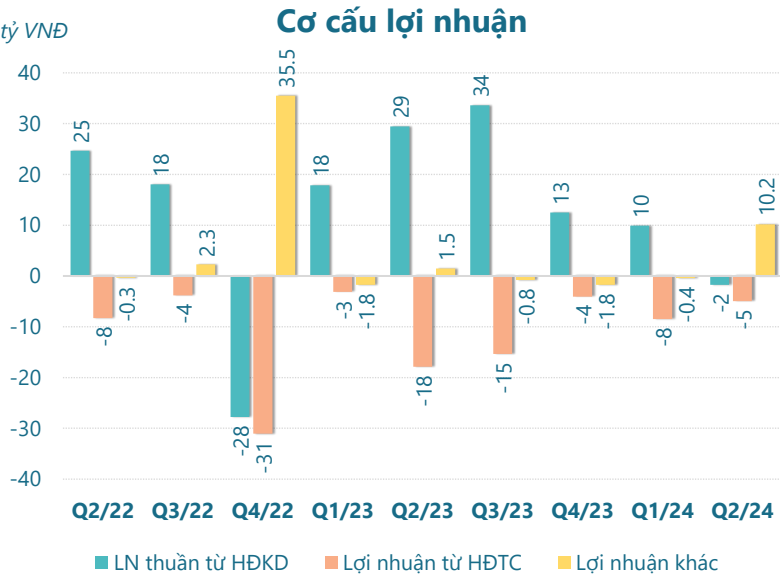
Tại quý II năm 2024, lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh ghi nhận **bằng 0** giảm đi 118% so với kỳ trước và thấp hơn 106% so với cùng kỳ năm trước.

Lợi nhuận từ hoạt động tài chính **lỗ 4.94 tỷ đồng** tăng thêm 3.52 tỷ đồng so với kỳ trước và tăng thêm 12.96 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận khác **lãi 10.18 tỷ đồng**, tăng thêm 10.63 tỷ đồng so với kỳ trước và cao hơn 583% so với cùng kỳ năm trước.



Kết quả kinh doanh của **ADS** quý II năm 2024, doanh thu thuần đạt **391.5 tỷ đồng** giảm đi **20.8%** so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lãi 6.59 tỷ đồng, giảm sút 73.9%** so với cùng kỳ năm trước.

Lũy kế 6 tháng đầu năm 2024, doanh thu thuần đạt **781.0 tỷ đồng** thấp hơn 1.01% so với cùng kỳ năm trước, lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lãi 15.00 tỷ đồng** thấp hơn 60.5% so với cùng kỳ năm trước.



Tại quý II, chi phí lãi vay bằng **0.00 tỷ đồng** không đổi so với kỳ trước và thấp hơn 100.0% so với cùng kỳ năm trước.

Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp bằng **11.07 tỷ đồng** tăng thêm 1.56% so với kỳ trước và cao hơn 2.03% so với cùng kỳ năm trước.

Chi phí khác bằng **0.17 tỷ đồng** giảm đi 63.0% so với kỳ trước và thấp hơn 90.8% so với cùng kỳ năm trước.

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q1/24	Thay đổi QoQ	Q2/23	Thay đổi YoY	6T 2024	6T 2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	391	390	0.4%	494	-20.8%	781	789	-0.9%
Giá vốn hàng bán	366	358	2.3%	437	-16.2%	724	699	3.6%
Lợi nhuận gộp	25.1	32.1	-21.7%	57.3	-56.1%	57.2	89.9	-36.3%
Doanh thu HĐTC	9.12	8.17	11.6%	8.06	13.1%	17.3	19.0	-9.0%
Chi phí TC	14.1	16.6	-15.3%	26.0	-45.9%	30.7	40.0	-23.3%
Chi phí lãi vay	0	0.00		31.9	-100%	0	45.3	-100%
LN trong công ty LKLD	-10.9	-2.80	-290%	0.94	-1261%	-13.7	0.94	-1556%
Chi phí bán hàng	3.23	2.21	46.1%	3.33	-3.0%	5.44	6.04	-9.9%
Chi phí QLDN	7.84	8.69	-9.8%	7.52	4.2%	16.5	16.4	0.8%
LN thuần từ HĐKD	-1.77	9.93	-118%	29.5	-106%	8.16	47.3	-82.8%
Lợi nhuận khác	10.2	-0.45	2363%	1.49	583%	9.73	-0.26	3808%
LN trước thuế	8.42	9.48	-11.2%	31.0	-72.9%	17.9	47.1	-62.0%
Lợi nhuận sau thuế	6.59	8.32	-20.8%	25.2	-73.9%	14.9	38.4	-61.2%
LNST của CĐ cty mẹ	6.37	8.00	-20.4%	24.8	-74.3%	14.4	37.7	-61.9%

